

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 25-9-2024  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG P, TỈNH B**

*Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- + Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Ông HT
- + Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Viết X  
- Ông Nguyễn Đăng Th
- + Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Ph - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B.
- + Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Lương H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐ-HPT ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1999. (Có đơn xin vắng mặt).
  - Bị đơn: Anh Lê Minh H, sinh năm 1991 (vắng mặt).
- Cùng trú tại: Tổ 4, Ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng P, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Phú vào năm 2020. Trước khi kết hôn cả hai vợ chồng đã có quá trình tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên đánh đập bất đồng quan điểm, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Đã ly thân từ tháng 8//2020 cho đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả, mạnh ai người đó sống. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

\* Bị đơn anh Lê Minh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

#### *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự trình bày không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

- Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Minh H, các vấn đề khác xác định là không có nên không yêu cầu. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Lê Minh H hiện cư trú tại: Tổ 4, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, huyện Đồng P, tỉnh B. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh B.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn T và bị đơn H nhưng nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định.

- Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Phú. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc đến mức thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị T, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hoà giải, đoàn tụ gia đình nhưng anh H vắng mặt, điều này thể hiện anh H thờ ơ, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng; Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đã yêu cầu được ly hôn, không đoàn tụ được với anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005568 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng P, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đồng P;
- Chi cục THADS huyện Đồng P;
- UBND xã Thuận Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Tòa**